TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05/02/2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 6, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 6, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Đ chung sống với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã M, thị xã C, Bình Phước. Đến năm 2021 thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hoà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đó bà N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đ

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Nguyễn P sinh ngày 09/6/2018 hiện đang sống cùng ông Đ, Nguyễn A sinh ngày 08/10/2020, hiện đang ở với bà N. Nay ly hôn bà N yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu P đang ở với cha nên bà N đề nghị Tòa án giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với bà Thị N về điều kiện chung sống, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân được 02 năm, bà N sống ở chỗ làm, ông Đ sống ở nhà, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông Đ đồng ý ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn P sinh ngày 09/6/2018 hiện đang sống cùng ông Đ, Nguyễn A sinh ngày 08/10/2020, hiện đang ở với bà N. Nay ly hôn ông Đ đồng ý nuôi dưỡng cháu P, đồng ý giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông Đ không ý kiến gì

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đ xin xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đơn sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đ.

Về con chung: Bà N, ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn P, sinh ngày, 09/6/2018 hiện đang sống cùng ông Đ, Nguyễn A, sinh ngày 08/10/2020, hiện đang ở với bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và giao cháu P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ cũng thống nhất. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận cho bà N được nuôi cháu A và giao cháu P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thị N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Nguyễn Đ hiện có nơi cư trú tại ấp 6, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà Thị N, bị đơn ông Nguyễn Đ tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, bất hoà, đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Ông Đ cũng thống nhất với bà N về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên ông bà đã sống ly thân được 02 năm không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông Đ

[6] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà N, ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 09/6/2018 hiện đang sống cùng ông Đ, Nguyễn A sinh ngày, 08/10/2020, hiện đang ở với bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và giao cháu P cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ cũng thống nhất. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Thị N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đ

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên Nguyễn P sinh ngày 09/6/2018 cho ông Nguyễn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn A, sinh ngày 08/10/2020 cho bà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012478 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**